# SENKO

LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG®
Electrical equipment












KIMQUANG
Electrical equipment

# HT150

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Hút Âm Trần - 1 Chiều (Hút)
Kích thước: 26 x 26 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 36 x 36 x 15cm

Trắng

## DETAILS

Ventilating Fan - 1 Direction (Exhaust)
Size: 26 x 26 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 36 x 36 x 15cm
Color: White







| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 15 cm | Công Suất | 30 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 1.4 kg | Kích Thước Thùng | 260 x 260 x 155 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

# HT200

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Hút Âm Trần - 1 Chiều (Hút)
Kích thước: 26 x 26 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 36 x 36 x 15cm

Trắng

## DETAILS

Ventilating Fan - 1 Direction (Exhaust)
Size: 26 x 26 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 36 x 36 x 15cm
Color: White







| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 20 cm | Công Suất | 35 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 1.5 kg | Kích Thước Thùng | 305 x 305 x155 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

# HT250

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Hút Âm Trần - 1 Chiều (Hút)
Kích thước: 26 x 26 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 36 x 36 x 15cm

Trắng

## DETAILS

Ventilating Fan - 1 Direction (Exhaust)
Size: 26 x 26 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 36 x 36 x 15cm
Color: White







| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 25 cm | Công Suất | 40 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 1.7 kg | Kích Thước Thùng | 365 x 365 x 155 mm |

# H100

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Hút Gió - 1 chiều (hút)
Kích thước: 18 x 18 x 9cm

Trắng

## DETAILS

Ventilating Fan - 1 Direction (Exhaust)
Size: 18 x 18 x 9cm
Color: White







| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 10 cm | Công Suất | 25 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 0.8 kg | Kích Thước Thùng | 188 x 100 x 190 mm |

# H150

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Hút Gió - 2 chiều (Hút - Thổi)
Kích thước: 25 x 25 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 34 x 34 x 15cm

Trắng

## DETAILS

Ventilating Fan - 2 Direction (Exhaust - Blow)
Size: 25 x 25 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 34 x 34 x 15cm
Color: White




32 $m^3$/min
Lưu lượng gió

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 15 cm | Công Suất | 30 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 1.6 kg | Kích Thước Thùng | 268 x 258 x 155 mm |

# H200

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Hút Gió - 2 chiều (Hút - Thổi)
Kích thước: 25 x 25 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 34 x 34 x 15cm

Trắng

## DETAILS

Ventilating Fan - 2 Direction (Exhaust - Blow)
Size: 25 x 25 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 34 x 34 x 15cm
Color: White







| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 20 cm | Công Suất | 35 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 1.7 kg | Kích Thước Thùng | 310 x 302 x 155 mm |

# H250

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Hút Gió - 2 chiều (Hút - Thổi)
Kích thước: 25 x 25 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 34 x 34 x 15cm

Trắng

## DETAILS

Ventilating Fan - 2 Direction (Exhaust - Blow)
Size: 25 x 25 x 15cm / 30 x 30 x 15cm / 34 x 34 x 15cm
Color: White





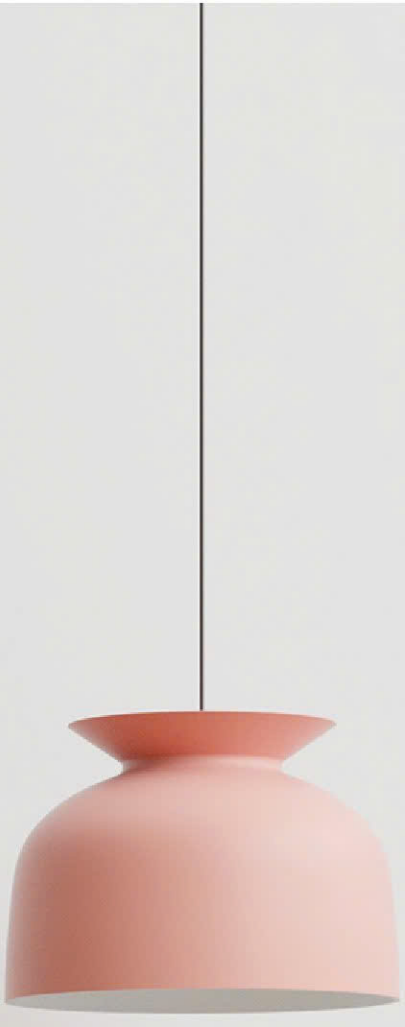


| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 25 cm | Công Suất | 40 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2 kg | Kích Thước Thùng | 360 x 347 x 158 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment




64.1 m³/min
Lưu lượng gió



# TR1628

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Treo Remote - 3 tốc độ
Chuyển hướng động cơ điện/ Hẹn giờ 8 tiếng
Điều khiển bằng remote/ Điều chỉnh gió (gió tự nhiên, gió ngủ)

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Nâu | Xám Đồng | Xanh Ngọc



## DETAILS

Remote Wall Fan - 3 Speeds
Electric motor oscillation/ 8 hours timer
Remote control / Adjusted wind (natural or soft wind flow)
Colors: Torquoise, Light Blue, Brown, Gray, Light Green

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.9 kg | Kích Thước Thùng | 447 x 187 x 450 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

88.6 m³/min
Lưu lượng gió




# TC1620

**F23 - 16 inches**

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Treo - 3 tốc độ
Chuyển hướng động cơ điện

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Nâu | Xám Đồng

## DETAILS

Wall Fan - 3 Speeds
Electric motor oscillation
Colors: Torquoise, Light Blue
Brown, Gray




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 65W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 3 kg | Kích Thước Thùng | 445 x 265 x 445 mm |

KIMQUANG®
Electrical equipment




64.1 m³/min
Lưu lượng gió





## TC1626

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Treo - 3 tốc độ
Chuyển hướng động cơ điện

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Nâu | Xám Đồng | Xanh Ngọc

### DETAILS

Wall Fan - 3 Speeds
Electric motor oscillation
Colors: Torquoise, Light Blue, Brown, Gray, Light Green

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.9 kg | Kích Thước Thùng | 445 x 255 x 445 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment




# T1680

**F20 - 16 inches**

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Treo - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Nâu | Xanh Ngọc

## DETAILS

Wall Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Colors: Torquoise, Light Blue
Brown, Light Green

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47W | Qui cách Thùng | 4 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.8 kg | Kích Thước Thùng | 480 x 300 x 245 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

64.4
$m^3$/min
Lưu lượng gió




# T1682

**F20 - 16 inches**

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Treo - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Nâu | Xanh Ngọc

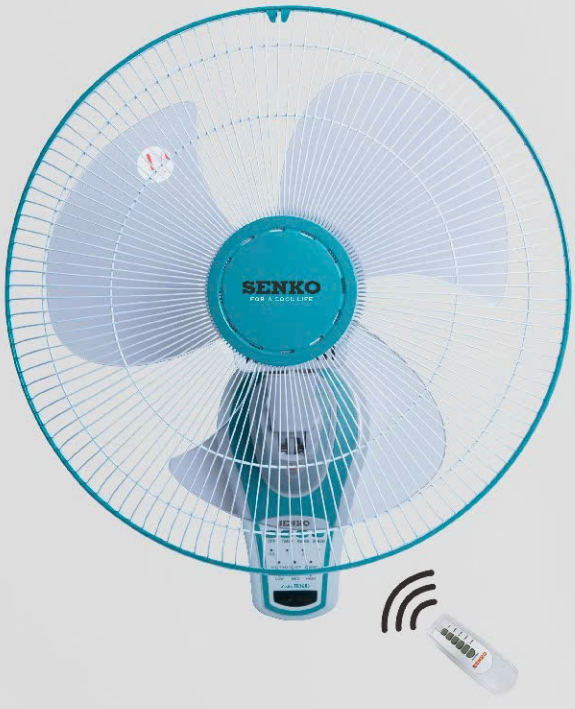
## DETAILS

Wall Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Colors: Torquoise, Light Blue
Brown, Light Green

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47W | Qui cách Thùng | 4 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.8 kg | Kích Thước Thùng | 480 x 315 x 245 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

64.4
m³/min
Lưu lượng gió




# TR1683

## F20 - 16 inches

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Treo Remote - 3 tốc độ
Chuyển hướng động cơ điện/ Hẹn giờ 8 tiếng
Điều khiển bằng remote
Điều chỉnh gió (gió tự nhiên, gió ngủ)

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Nâu | Xám Đồng

### DETAILS

Remote Wall Fan - 3 Speeds
Electric motor oscillation/ 8 hours timer
Remote control
Adjusted wind (natural or soft wind flow)
Colors: Torquoise, Light Blue, Brown, Gray

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.9 kg | Kích Thước Thùng | 450 x 195 x 450 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

88.6 m³/min
Lưu lượng gió




# TC1622

## F23 - 16 inches

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Treo - 3 tốc độ
Chuyển hướng động cơ điện

Đen Cam | Đen Két | Kem Môn

### DETAILS

Wall Fan - 3 Speeds
Electric motor oscillation
Colors: Black Orange, Black Teal, Light Blue




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 65W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 3.4 kg | Kích Thước Thùng | 465 x 265x 450 mm |

SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

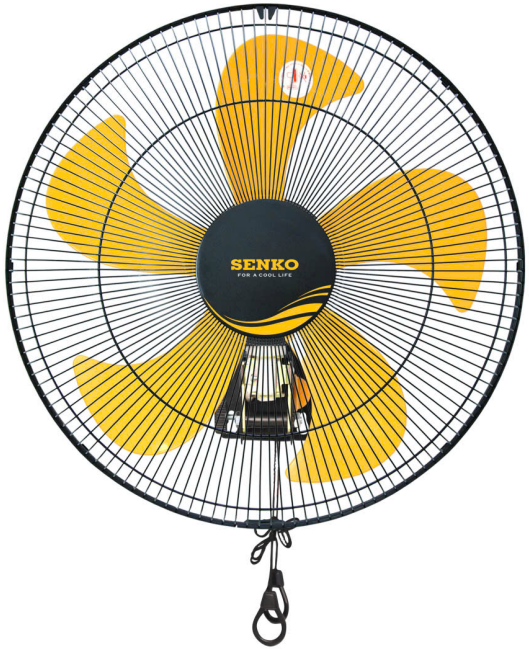
KIMQUANG
Electrical equipment

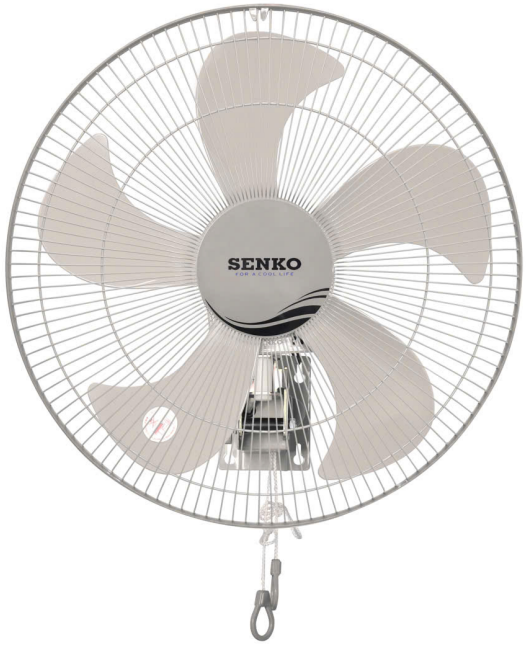
# Dòng sản phẩm F23 – 16 inches

## QUẠT TREO TC1623

| CÔNG SUẤT | LƯU LƯỢNG GIÓ | MÀU SẮC | 3 TỐC ĐỘ GIÓ |
|---|---|---|---|
| 60 W | ≈ 83,8 $m^3$/min | VÀNG CAM<br>KEM NÂU | |

| ĐIỆN ÁP | CÁNH 5 LÁ | TRỌNG LƯỢNG |
|---|---|---|
| 220V / 50Hz | 39 cm | 3,2 kg |



SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

# Dòng sản phẩm F25 – 18 inches

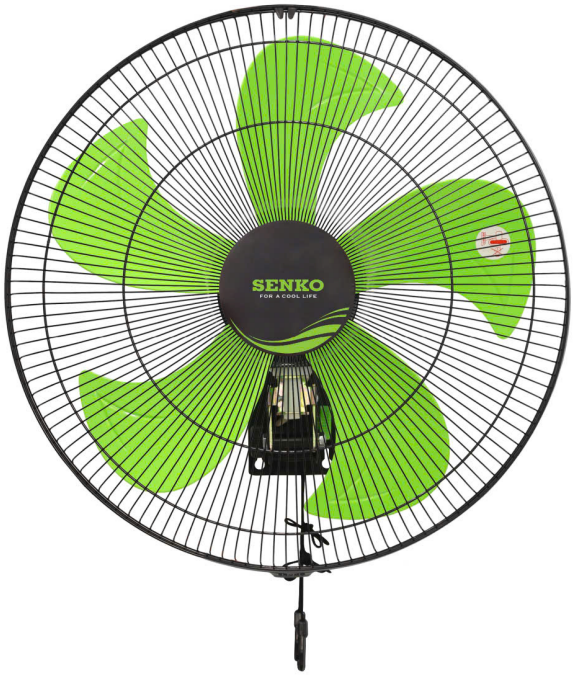
## QUẠT TREO
## TC1881

HIGH AIRFLOW POWER

| CÔNG SUẤT | LƯU LƯỢNG GIÓ | MÀU SẮC | 3 TỐC ĐỘ GIÓ |
|---|---|---|---|
| 75 W | ≈133,3 m³/min | ĐEN CAM<br>ĐEN KÉT | |

| ĐIỆN ÁP | CÁNH 5 LÁ | TRỌNG LƯỢNG |
|---|---|---|
| 220V / 50Hz | 43 cm | 3,7 kg |



SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

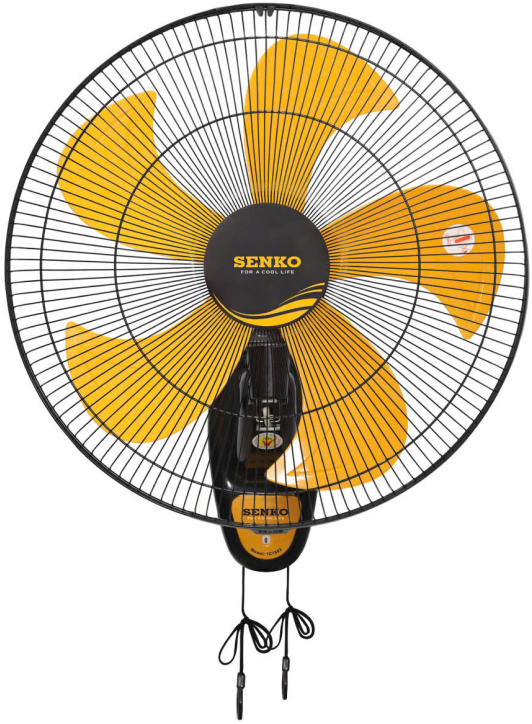
# Dòng sản phẩm F25 – 18 inches

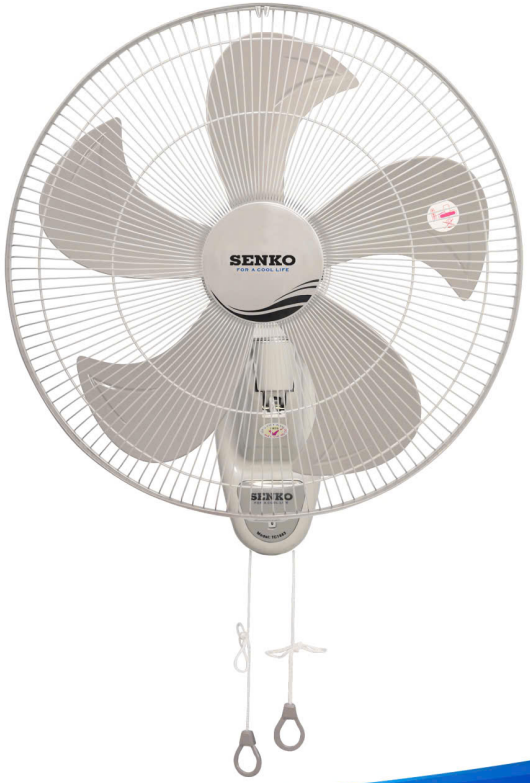
## QUẠT TREO
## TC1883

| CÔNG SUẤT | LƯU LƯỢNG GIÓ | MÀU SẮC | 3 TỐC ĐỘ GIÓ |
|---|---|---|---|
| 75 W | ≈133,3 m³/min | VÀNG CAM<br>KEM NÂU | |

HIGH AIRFLOW POWER

| ĐIỆN ÁP | CÁNH 5 LÁ | TRỌNG LƯỢNG |
|---|---|---|
| 220V / 50Hz | 43 cm | 3,5 kg |



KIMQUANG
Electrical equipment




# TD105

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Trần Đảo - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ




Trắng

## DETAILS

Oscillating Ceiling Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Color: White

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.8 kg | Kích Thước Thùng | 450 x 220x 580 mm |

SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

# Dòng sản phẩm F25 – 18 inches

## QUẠT SÀN LỠ SL1830




**CÔNG SUẤT**
75 W

**LƯU LƯỢNG GIÓ**
≈ 133,3 m³/min

**ĐIỆN ÁP**
220V / 50Hz

**CÁNH 5 LÁ**
43 cm

**MÀU SẮC**
VÀNG CAM
KEM NÂU

**3 TỐC ĐỘ GIÓ**

**CHIỀU CAO**
90 ~ 100 cm

**TRỌNG LƯỢNG**
5,2 kg



SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

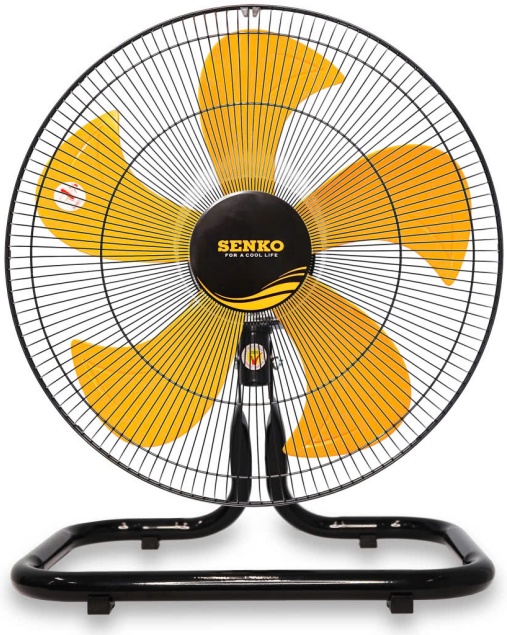
KIMQUANG
Electrical equipment

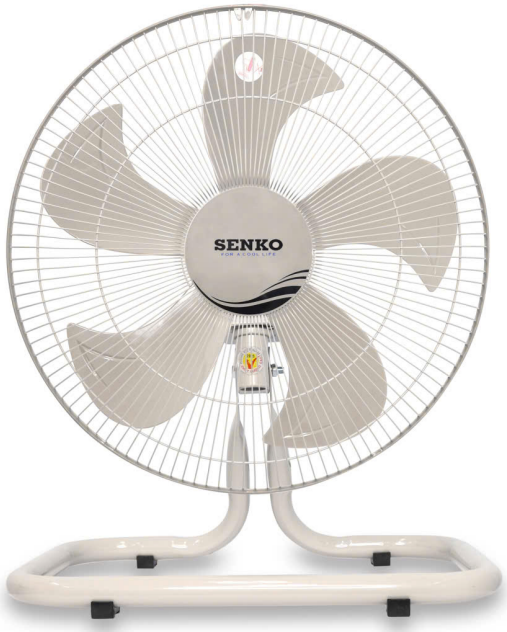
# Dòng sản phẩm F25 – 18 inches

## QUẠT SÀN S1850

| CÔNG SUẤT | LƯU LƯỢNG GIÓ | MÀU SẮC | 3 TỐC ĐỘ GIÓ |
|---|---|---|---|
| 75 W | ≈ 133,3 m³/min | VÀNG CAM<br>KEM NÂU | |

| ĐIỆN ÁP | CÁNH 5 LÁ | CHIỀU CAO | TRỌNG LƯỢNG |
|---|---|---|---|
| 220V / 50Hz | 43 cm | 56 cm | 3,9 kg |



# B102

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn - 2 tốc độ
Chuyển hướng cơ
Chiều cao: 40cm

## DETAILS

Desk Fan - 2 Speeds
Gear oscillation
Height: 40cm
Colors: Torquoise, Light Blue
Brown, Light Green

Cốm | Môn | Kem Nâu | Xanh Ngọc




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 20 cm | Công Suất | 28 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 1.4 kg | Kích Thước Thùng | 245 x 245 x 410 mm |

# B1616

***F20 - 16 inches***

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ
Chiều cao: 64cm

## DETAILS

Desk Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Height: 64cm
Colors: Torquoise, Light Blue, Brown

Cốm  Kem Môn  Kem Nâu




**64.4** m³/min
*Lưu lượng gió*

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47 W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.9 kg | Kích Thước Thùng | 450 x 320 x 540 mm |

# B1216

KIMQUANG
Electrical equipment

## F16 - 12 inches

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ
Chiều cao: 54 cm

Cốm  Kem Môn  Kem Nâu

### DETAILS

Desk Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Height: 54 cm
Colors: Torquoise, Light Blue, Brown

37.9 $m^3$/min
Lưu lượng gió




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 29 cm | Công Suất | 40 W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.4 kg | Kích Thước Thùng | 390 x 270 x 505 mm |

# B1612

**F20 - 16 inches**

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ
Chiều cao: 65cm

Kem Cốm | Kem Môn | Đen Cam | Đen Két

## DETAILS

Desk Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Height: 65cm
Colors: Torquoise, Light Blue
Black Orange, Black Teal

**64.4** m³/min
*Lưu lượng gió*




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47 W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 3.1 kg | Kích Thước Thùng | 505 x 295 x 475 mm |

https://kimquang.vn

# BX1212

**F16 - 12 inches**

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ
Chiều cao: 54 cm

Đen Cam  Đen Két

## DETAILS

Desk Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Height: 54 cm
Colors: Black Orange, Black Teal




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 29 cm | Công Suất | 40 W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.4 kg | Kích Thước Thùng | 390 x 270 x 505 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

# B1213

## F16 - 12 inches

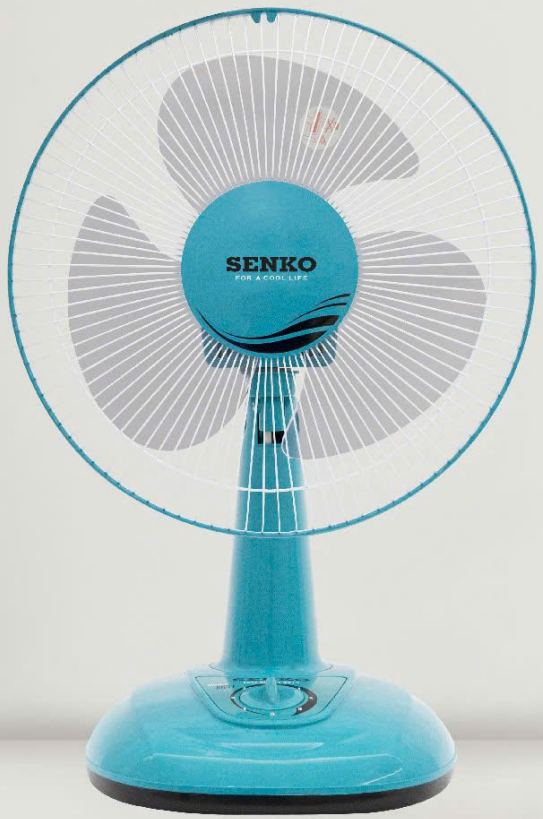
### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ
Chiều cao: 54 cm

Cốm | Kem Môn | Xám Đồng | Kem Nâu | Xanh Ngọc

### DETAILS

Desk Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Height: 54 cm
Colors: Torquoise, Light Blue
Gray, Brown, Light Green




37.9 m³/min
Lưu lượng gió



| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 29 cm | Công Suất | 40 W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.4 kg | Kích Thước Thùng | 390 x 270 x 505 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

# B1210

## F16 - 12 inches

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ
Chiều cao: 59 cm

Đen Cam  Đen Két

37.9 m³/min
Lưu lượng gió

### DETAILS

Desk Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Height: 59 cm
Colors: Black Orange, Black Teal




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 29 cm | Công Suất | 40 W | Qui cách Thùng | 2 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.6 kg | Kích Thước Thùng | 390 x 270 x 505 mm |

SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

# Dòng sản phẩm F20 – 16 inches

## QUẠT LỠ
## LS1639

| CÔNG SUẤT | LƯU LƯỢNG GIÓ | MÀU SẮC | 3 TỐC ĐỘ GIÓ |
|---|---|---|---|
| 47 W | ≈ 64,4 m³/min | KEM MÔN, XÁM ĐỒNG<br>KEM NÂU, XANH NGỌC | |

| ĐIỆN ÁP | CÁNH 3 LÁ | CHIỀU CAO | TRỌNG LƯỢNG |
|---|---|---|---|
| 220V / 50Hz | 39 cm | 80 ~ 98 cm | 3,6 kg |



KIMQUANG
Electrical equipment




## L1638

**F20 - 16 inches**

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Lỡ - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ
Chiều cao tối thiểu: 77cm
tối đa: 95cm

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Nâu | Xám Đồng | Xanh Ngọc

### DETAILS

Living Fan - 3 Speeds
Gear oscillation
Min Height: 77cm
Max Height: 95cm
Colors: Torquoise, Light Blue
Brown, Gray, Light Green

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47W | Qui cách Thùng | 4 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 3.4 kg | Kích Thước Thùng | 470 x 465 x 370 mm |

SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

# Dòng sản phẩm F23 – 16 inches

## QUẠT LỠ LTS1631




**CÔNG SUẤT**
65 W

**LƯU LƯỢNG GIÓ**
≈ 88,6 m³/min

**ĐIỆN ÁP**
220V / 50Hz

**CÁNH 7 LÁ**
39 cm

**MÀU SẮC**
ĐEN CAM
ĐEN KẾT

**3 TỐC ĐỘ GIÓ**

**CHIỀU CAO**
89 ~ 100 cm

**TRỌNG LƯỢNG**
3,7 kg



SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

# Dòng sản phẩm F23 – 16 inches

## QUẠT LỠ LTS1633




**CÔNG SUẤT**
60 W

**LƯU LƯỢNG GIÓ**
≈ 83,8 m³/min

**ĐIỆN ÁP**
220V / 50Hz

**CÁNH 5 LÁ**
39 cm

**MÀU SẮC**
VÀNG CAM
KEM NÂU

**3 TỐC ĐỘ GIÓ**

**CHIỀU CAO**
89 ~ 100 cm

**TRỌNG LƯỢNG**
3,6 kg



# DD1602

***F20 - 16 inches***

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Đứng - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ / Đèn
Chiều cao tối thiểu: 98cm / Tối đa: 117cm

Kem Môn  Kem Nâu  Xám Đồng

## DETAILS

Stand Fan - 3 Speeds
Gear oscillation / Light
Min Height: 98cm
Max Height: 117cm
Colors: Light Blue, Brown, Gray

**64.4** $m^3$/min
***Lưu lượng gió***




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 4.4 kg | Kích Thước Thùng | 840 x 210 x 450 mm |

# DR1608

## F23 - 16 inches

KIMQUANG
Electrical equipment

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Đứng Remote - 3 tốc độ
Chuyển hướng động cơ điện / hẹn giờ 8 tiếng
Điều khiển bằng remote
Điều chỉnh gió (gió tự nhiên, gió ngủ)
Chiều cao tối thiểu: 116cm / tối đa: 128cm

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Nâu | Xám Đồng

### DETAILS

Remote Stand Fan - 3 Speeds
Electric motor oscillation / 8 Hours timer
Remote control
Adjusted wind (natural or soft wind flow)
Min Height: 116cm / Max Height: 128cm
Colors: Torquoise, Light Blue, Brown, Gray

88.6 m³/min
Lưu lượng gió




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 65W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 4.9 kg | Kích Thước Thùng | 1010 x 205 x 455 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

64.4
m³/min
Lưu lượng gió




# DH1600

## F20 - 16 inches

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Đứng - 3 tốc độ
Chuyển hướng cơ / Hẹn Giờ
Chiều cao tối thiểu:
109cm / Tối đa: 123cm

Cốm  Xám Đồng

### DETAILS

Stand Fan - 3 Speeds
Gear oscillation / Timer
Min Height: 109cm
Max Height: 123cm
Colors: Torquoise, Gray

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 39 cm | Công Suất | 47W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 4.1 kg | Kích Thước Thùng | 500 x 185x 520 mm |

SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

# Dòng sản phẩm F23 – 16 inches

## QUẠT ĐỨNG DTS1601




**CÔNG SUẤT**
65 W

**LƯU LƯỢNG GIÓ**
≈ 88,6 m³/min

**ĐIỆN ÁP**
220V / 50Hz

**CÁNH 7 LÁ**
39 cm

**MÀU SẮC**
ĐEN CAM
ĐEN KẾT

**3 TỐC ĐỘ GIÓ**

**CHIỀU CAO**
108 ~ 120 cm

**TRỌNG LƯỢNG**
4 kg



SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

# Dòng sản phẩm F23 – 16 inches

## QUẠT ĐỨNG DTS1603




**CÔNG SUẤT**
60 W

**LƯU LƯỢNG GIÓ**
≈ 83,8 m³/min

**ĐIỆN ÁP**
220V / 50Hz

**CÁNH 5 LÁ**
39 cm

**MÀU SẮC**
VÀNG CAM
KEM NÂU

**3 TỐC ĐỘ GIÓ**

**CHIỀU CAO**
108 ~ 120 cm

**TRỌNG LƯỢNG**
3,9 kg



SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

# Dòng sản phẩm F25 – 18 inches

## QUẠT ĐỨNG DCN1801




**CÔNG SUẤT**
75 W

**LƯU LƯỢNG GIÓ**
HIGH AIRFLOW POWER
≈133,3 m³/min

**ĐIỆN ÁP**
220V / 50Hz

**CÁNH 5 LÁ**
43 cm

**MÀU SẮC**
ĐEN CAM
ĐEN KÉT

**3 TỐC ĐỘ GIÓ**

**CHIỀU CAO**
113 ~ 124 cm

**TRỌNG LƯỢNG**
4,6 kg



SENKO
LÀM MÁT CHO CUỘC SỐNG

KIMQUANG
Electrical equipment

# Dòng sản phẩm F25 – 18 inches

## QUẠT ĐỨNG DCN1803




**CÔNG SUẤT**
75 W

**HIGH AIRFLOW POWER**
**LƯU LƯỢNG GIÓ**
≈133,3 m³/min

**ĐIỆN ÁP**
220V / 50Hz

**CÁNH 5 LÁ**
43 cm

**MÀU SẮC**
VÀNG CAM
KEM NÂU

**3 TỐC ĐỘ GIÓ**

**CHIỀU CAO**
113 ~ 124 cm

**TRỌNG LƯỢNG**
4,6 kg



# BD230

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn Đảo - 2 tốc độ
Chiều cao: 32cm

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Xám | Xanh Ngọc

## DETAILS

Box Fan - 2 Speeds
Height: 32cm
Colors: Torquoise, Light Blue, Gray, Light Green




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 20 cm | Công Suất | 28 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 1.3 kg | Kích Thước Thùng | 290 x 125x 320 mm |

# BD1010

***F16 - 10 inches***

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn Đảo - 3 tốc độ
Tản gió bằng động cơ điện / Ngã tự ngắt điện
Chiều cao: 40 cm

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Xám

## DETAILS

Box Fan - 3 Speeds
Airflow area is controlled by electric motor
The electric fan fall will automatically cut off the power
Height: 40cm
Colors: Torquoise, Light Blue, Gray, Light Green




| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 25 cm | Công Suất | 40 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.4 kg | Kích Thước Thùng | 365 x 165 x 403 mm |

KIMQUANG
Electrical equipment

# BD1012

## F16 - 10 inches

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn Đảo - 3 tốc độ / Ngã tự ngắt điện
Chiều cao: 40cm

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Xám

### DETAILS

Box Fan - 3 Speeds
The electric fan fall will automatically cut off the power
Height: 40cm
Colors: Torquoise, Light Blue, Gray






28.4 $m^3$/min
Lưu lượng gió

Thêm Tính Năng
NGÃ TỰ NGẮT ĐIỆN

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 25 cm | Công Suất | 40 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 2.1 kg | Kích Thước Thùng | 365 x 155 x 403 mm |

# BD1410

**F16 - 14 inches**

KIMQUANG
Electrical equipment

## MÔ TẢ SẢN PHẨM

Quạt Bàn Đảo - 3 tốc độ
Tản gió bằng động cơ điện / Ngã tự ngắt điện
Chiều cao: 54 cm

Kem Cốm | Kem Môn | Kem Xám

## DETAILS

Box Fan - 3 Speeds
Airflow area is controlled by electric motor
The electric fan fall will automatically cut off the power
Height: 54 cm
Colors: Torquoise, Light Blue, Gray




**59.5** $m^3$/min
**Lưu lượng gió**

Thêm Tính Năng
**NGÃ TỰ NGẮT ĐIỆN**

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Sải Cánh | 34 cm | Công Suất | 47 W | Qui cách Thùng | 1 cái |
| Điện Áp | 220V / 50Hz | Khối Lương Tịnh | 3.6 kg | Kích Thước Thùng | 490 x 185 x 557 mm |